Name :.....
Class : .....

Question 1: Chọn và khoanh tròn từ khác loại với những từ còn lại

1. monkey	father	sister
2. old	nice	three
3. his	she	he
4. how	who	too

Question 2: Em hãy điền a hoặc an

1. This is…….. book.
2. Is this …….chair?
- No, it isn't. It is …….desk.
3. Is this ……apple?
- Yes, it is.

Question 3: Sắp xếp lại các từ để tạo thành câu đúng

1. name / is / Linh / My /. /
……
2. your / please / book / Close / , /
……
3. go / May / out / I / ? /
……
4. This / school / my / is / . /
……

LIVEWORKSHEETS

Question 4 : Nghe và đánh số.

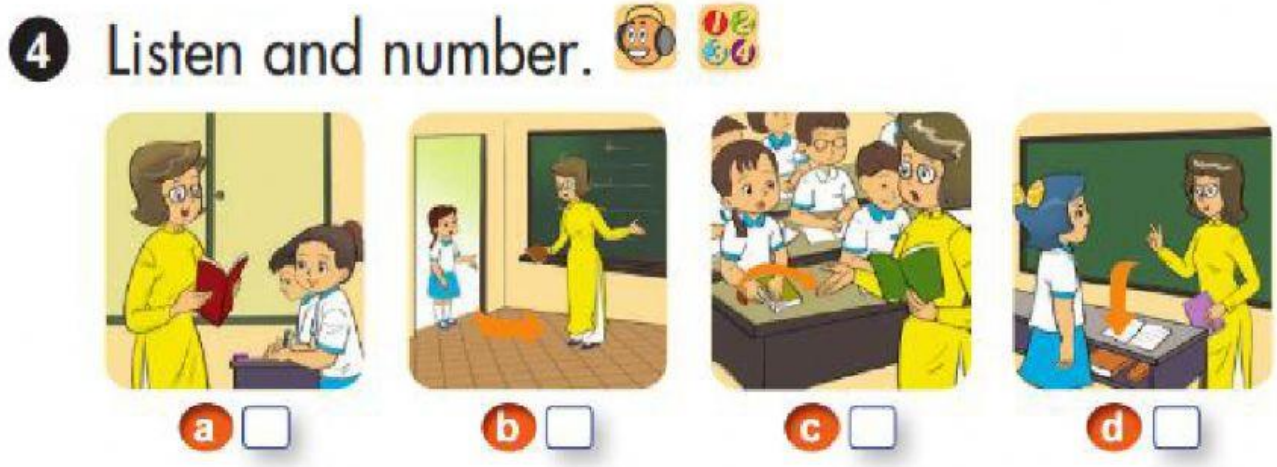

Question 5: Nối các câu hỏi ở cột A với các câu trả lời ở cột B.

A	*B*
1. What's your name?	**a**. I'm fine, thank you.
2. May I go out?	**b**. My name's Hue.
3. How are you?	**c**. Nice to meet you, too
4. Nice to meet you	**d**. Sure

Question 6: Nghe và khoanh tròn.

LIVEWORKSHEETS

	School bag	Pencil case	rubbers
	I'm Mary	My name's Peter	Nice to meet you
	May I come in?	May I go out?	May I sit down?
	This is my school	That's my classroom	Those are my books.
	What colour is it?	How old are you?	How are you?

LIVEWORKSHEETS